

Số: 16/NQ-HĐND

Buôn Hồ, ngày 15 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BUÔN HỒ KHÓA I,
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/07/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường Buôn Hồ về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND, ngày 14/8/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân phường tán thành thông qua Nghị quyết phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn phường, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Nội dung chỉ tiêu	Dự toán
I	Tổng thu ngân sách Nhà nước	17.123
	Thu từ thuế phí và lệ phí:	17.123

	Thu biện pháp tài chính:	0
II	Tổng chi ngân sách Nhà nước	241.740
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0
	Chi thường xuyên	54.360
	Dự phòng ngân sách	1.204
	Dự toán các sự nghiệp chuyển giao nguyên trạng	186.177
III	Cân đối nguồn thu, chi ngân sách phường:	241.740
	Nguồn thu hưởng 100%	174
	Nguồn hưởng phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.029
	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cân đối	51.506
	Nguồn bổ sung có mục tiêu	4.737
	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cân đối sau sáp nhập	182.694
	Các khoản thu tỉnh thu xã hưởng	1.600

(Chi tiết như phụ lục I, II, kèm theo)

Điều 2. Nội dung phân bổ ngân sách phường năm 2025

- Dự toán chi ngân sách phường được xây dựng trên cơ sở cộng gộp nguyên trạng dự toán thu, chi ngân sách giao đầu năm của các phường Đạt Hiếu, An Lạc, An Bình, Thiện An, Đoàn Kết, Thống Nhất trước khi sắp xếp; đồng thời việc phân bổ, sử dụng dự toán chi ngân sách căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý mới của phường sau sắp xếp, bảo đảm phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

- Giao nguyên trạng dự toán và các nhiệm vụ chi sự nghiệp cho các đơn vị Giáo dục, Trung tâm Chính trị, Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao theo dự toán tỉnh giao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu, nội dung lập dự toán, đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các quy định có liên quan.

Các nguồn chưa được phân khai tại Nghị quyết này, UBND phường trình Thường trực HĐND phường xem xét quyết định và báo cáo HĐND phường tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Buôn Hồ khóa I, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Nhất thông qua ngày 15 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Đảng uỷ;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Các phòng ban, đơn vị phường;
- Ban TT UBMTTQVN phường;
- Lưu: VT, KTHĐT (TV-4b).

CHỦ TỊCH



H' Yim Kdoh

PHỤ LỤC I
NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Phường Buôn Hồ

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của HĐND phường)

*** DƯ TOÁN THU NSNN:**

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Số tiền
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	17.123
I	THU NỘI ĐỊA	17.123
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.078
	- Thuế giá trị gia tăng	9.646
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	400
	- Thuế tài nguyên	32
	- Các khoản thu khác	-
2	Lệ phí trước bạ	-
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	151
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.943
6	Thuế bảo vệ môi trường	-
7	Phí, lệ phí	731
	+ <i>Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu</i>	-
	+ <i>Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước xã, phường thu</i>	731
8	Tiền sử dụng đất	-
9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	-
10	Thu khác ngân sách	147
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	73
13	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	
15	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	-
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	

*** DƯ TOÁN CHI NSDP:**

STT	CHỈ TIÊU	Số tiền
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	241.740
A	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM	55.563
I	Chi đầu tư phát triển	-
II	Chi thường xuyên	49.623
1	Chi quốc phòng	2.160
2	Chi an ninh	750
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
4	Chi khoa học và công nghệ	-
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-
6	Chi văn hoá thông tin	315
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	315
8	Chi thể dục thể thao	189
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	480
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.400
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	42.530
12	Chi bảo đảm xã hội	243
13	Chi khác ngân sách	241
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	-
IV	Dự phòng ngân sách	1.204
V	10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL	-
VI	10% tiết kiệm TX theo Công điện 85/CD-TTg	-
VII	Chi từ nguồn BSMT	4.737
1	Bổ sung công tác Quốc phòng,	877
2	Chế độ hỗ trợ bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo NQ số 04/2024/NQ-HĐND, ngày 20/6/2024	2.587
3	Kinh phí mừng thọ (theo NQ số 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)	338
4	Kinh phí Ban thanh tra nhân dân xã, phường theo Thông tư 63/2017/TT-BTC	30
5	Hỗ trợ Ban giám sát đầu tư cộng đồng theo Công văn số 664/STC-QLNS ngày 02/6/2011.	30
6	Hỗ trợ Cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC theo Nghị quyết số 115/2014/NQ-HĐND ngày 17/7/2014; Bồi dưỡng khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân (NQ 21/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh); thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo NQ142/2014/NQ-HĐND.	120
7	Tiền đặt báo thôn buôn theo CT99/TT-TU ngày 07/3/1997 của TTTU V/v đưa báo Đắk Lắk đến các thôn, buôn, TDP.	46
8	Chế độ thù lao hội đặc thù theo NQ 57/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh	180
9	Trợ cấp hưu trí	126
10	Kinh phí thực hiện công tác trật tự đô thị trên địa bàn phường An Bình	335

11	Hỗ trợ kinh phí quản lý vận hành hoa viên Buôn Tring	50
12	Kinh phí thực hiện NQ06.2023/NQ-HĐND tỉnh hỗ trợ đối với nghệ nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	18
B	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TỪ NS CẤP HUYỆN VỀ CẤP XÃ	186.177
I	Dự toán chuyển giao nguyên trạng	186.177
1	Sự nghiệp giáo dục (Phụ lục I)	177.391
2	Sự nghiệp đào tạo	1.983
3	Sự nghiệp khác	6.803
II	Dự toán bổ sung tăng nhiệm vụ chi	-
C	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG HƯỞNG	241.740
I	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.803
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	174
2	Các khoản thu phân chia (áp dụng tỷ lệ mới)	1.029
3	Các khoản thu tỉnh thu xã hưởng	1.600
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	238.937
1	Thu bổ sung cân đối	51.506
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.737
3	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	-
5	Bổ sung cân đối sau sáp nhập	182.694
4	Bổ sung mục tiêu do tăng nhiệm vụ	

PHỤ LỤC II

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của HĐND phường)

Stt	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG
A	Tổng nguồn thu ngân sách	241.740
I	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.803
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	174
2	Các khoản thu phân chia (áp dụng tỷ lệ mới)	1.029
3	Các khoản thu tỉnh thu xã hưởng	1.600
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	238.937
1	Thu bổ sung cân đối	51.506
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.737
3	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	-
5	Bổ sung cân đối sau sáp nhập	182.694
4	Bổ sung mục tiêu do tăng nhiệm vụ	
B	Tổng chi ngân sách	241.740
I	Chi cân đối ngân sách theo phân cấp	55.563
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	54.360
3	Dự phòng	1.204
II	Dự toán chuyển giao nguyên trạng	186.177
1	Sự nghiệp giáo dục	177.391
2	Sự nghiệp đào tạo	1.983
3	Sự nghiệp khác	6.803